

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 285/2023/HC-PT

Ngày: 24/8/2023

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tào

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Thi

Ông Trần Đức Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Mai, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Bà Trần Thị Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 81/2023/TLPT-HC ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2023/HC-ST ngày 14/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2714/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2023; giữa các đương sự:

* *Người khởi kiện:* ông Huỳnh Tấn C; Địa chỉ: TDP D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Võ Trường G; Địa chỉ: B T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Người bị kiện:*

- Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Võ Văn C1 – Phó Chủ tịch. Vắng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Lê Minh Đ - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ. Vắng.

- Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Đại T – Phó Chủ tịch. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Phạm Văn N - Trưởng phòng Phòng kỹ thuật – giải phóng mặt bằng, thuộc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Đặng Thị H, ông Đặng Văn L; Cùng địa chỉ: thôn C, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng.

- Ông Huỳnh Ngọc H1; Địa chỉ: B H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng.

- Ông Trương Quốc Đ1; Địa chỉ: H P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng ông Huỳnh Tấn C trình bày:

Ông Huỳnh Tấn C là hộ dân nhận đất giao khoán của Công ty TNHH MTV C2 để hợp tác canh tác cây cà phê theo hợp đồng liên kết số 104A/2012/HĐ lực từ năm 2013 đến năm 2038, hợp đồng liên kết số 78Đ1/2012/HĐ có hiệu lực từ năm 2013 đến năm 2038 và hợp đồng liên kết số 122Đ1/2013/HĐ có hiệu lực từ năm 2013 đến năm 2039. Trong suốt quá trình nhận khoán, gia đình ông C thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Công ty TNHH MTV C2 cũng như tuân thủ pháp luật về đất đai. Nhưng sau khi ông nhận được thông báo của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk về việc nhận tiền bồi thường theo phương án bồi thường đã được Ủy ban thành phố B phê duyệt theo Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021. Lúc này ông C mới được biết toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của gia đình ông C đã bị Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án: “*Xây dựng công trình hạ tầng giao thông* khu dân cư P, phường T, thành phố B”. Ông C không đồng ý và khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu xem xét các nội dung sau:

- *Về đối tượng được lên phương án bồi thường, hỗ trợ:* Ông C là người nhận khoán và trực tiếp canh tác trên toàn bộ diện tích đất nhận khoán của Công ty TNHH MTV C2 theo hợp đồng liên kết số 104A/2012/HĐ, hợp đồng liên kết số 78Đ1/2012/HĐ và hợp đồng liên kết số 122Đ1/2013/HĐ. Tuy nhiên, trong các phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất lại bồi thường cho ông Trương Quốc Đ1, ông Đặng Văn L, bà Đặng Thị H, ông Huỳnh Ngọc H1, ông Dương Bá P và bà Phạm Thị Kiều A là những người không thuộc đối tượng được bồi thường, hỗ trợ (không phải người nhận khoán theo hợp đồng liên kết và cũng không trực tiếp canh tác, sản xuất trên đất nhận khoán). Đây chỉ là những người được ông C thuê và ở lại để phụ giúp việc trông trọt, chăm sóc và trông coi tài sản trên đất. Việc UBND thành phố B ra quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho những đối tượng này là không đúng.

- *Trình tự, thủ tục pháp lý liên quan đến việc thu hồi đất sai quy định pháp luật về đất đai*: Toàn bộ quá trình thu hồi đất diễn ra một cách mập mờ, thông tin về dự án thiếu chính xác. Các hộ dân chỉ nhận được thông báo chung chung về việc thu hồi đất. Cho tới nay các hộ dân vẫn chưa nhận được Quyết định thu hồi đất cụ thể của từng hộ dân để biết được căn cứ vào đâu mình bị thu hồi đất, thu hồi diện tích bao nhiêu để từ đó xem xét đến vấn đề bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

Căn cứ thu hồi đất không có: Theo Quyết định phê duyệt phương án bồi thường khi nhà nước thu hồi đất số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban thành phố B thì tên dự án là: “*Xây dựng công trình hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường T, thành phố B*”, cụ thể là làm đường giao thông khu dân cư, tuy nhiên đến nay người dân vẫn chưa nhận được Quyết định thu hồi đất của riêng dự án nêu trên mà chỉ có 01 Quyết định thu hồi đất số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi 5.138.059 m² đất của các xã, phường T để quản lý, lập lại phương án sử dụng Quyết định thu hồi đất chung chung, không phục vụ dự án nào cả. Như vậy, hoàn toàn không có quyết định thu hồi đất nào chỉ định riêng cho việc xây dựng dự án công trình hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường T, thành phố B nhưng lại thu hồi đất của dân với lý do nêu trên là hoàn toàn trái quy định pháp luật.

- *Về phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất*: Như đã đề cập ở trên, do khảo sát, đo đạc kiểm đếm không chính xác dẫn việc lập phương án đền bù, bồi thường về đất cũng như các khoản hỗ trợ là không thỏa đáng, cụ thể:

+ *Bồi thường về đất*: UBND thành phố B không bồi thường về đất vì cho rằng đất của gia đình ông C là đất nhận khoán của Công ty TNHH MTV C2 và Công ty này đã giải thể vào tháng 4/2016 căn cứ Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 27/04/2016 của UBND tỉnh Đ. Tuy nhiên, nếu Công ty giải thể thì đơn vị tiếp quản là UBND tỉnh Đ, UBND thành phố B phải kế thừa quyền, nghĩa vụ tại hợp đồng giao khoán với các hộ dân, nhưng ngay sau đó là vào ngày 04/01/2017, UBND tỉnh Đ lại ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND về việc thu hồi toàn bộ đất của Công ty C2 và yêu cầu Công ty phải giải quyết dứt điểm các vấn đề với các hộ dân. Giữa UBND và Công ty đều đùn đẩy trách nhiệm cho nhau và đến nay, mặc dù hợp đồng giao khoán vẫn còn hiệu lực đến năm 2038 nhưng gia đình ông C vẫn không được xem xét bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất. Điều này đi ngược lại các quy định của pháp luật về đất đai.

Từ khi nhận giao khoán đến nay, gia đình ông C đã đầu tư rất nhiều công sức, tiền của để chăm sóc, cải tạo vườn cây và đây là nguồn thu nhập chính của gia đình ông C. Như vậy, căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 76 Luật đất đai 2013 thì gia đình ông C phải được bồi thường chi phí vào đất còn lại nhưng UBND thành phố lại không đưa hạng mục này vào phương án bồi thường là xâm phạm quyền lợi của gia đình ông C. Theo Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các Quyết định của UBND tỉnh Đ.

Ông C sử dụng đất liên tục từ năm 2013 cho đến nay, không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của Luật Đất đai và không được hỗ trợ theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai mà không thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng. Theo quy định thì ông C được hỗ trợ về đất bằng 30% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định, tuy nhiên điều này không được UBND thành phố B không xem xét hỗ trợ về đất là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của ông C. Thời điểm xây dựng công trình trên đất Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B xác định cũng không chính xác. Toàn bộ tài sản đều được xây dựng trước ngày 1/7/2014.

Thêm vào đó, UBND thành phố B không bồi thường đối với nhà và cây cối, các tài sản gắn liền trên đất được hình thành từ sau khi có Quyết định thu hồi đất theo Công văn số 11855/UBND-NNMT ngày 31/12/2020. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 92 Luật đất đai 2013 thì chỉ không bồi thường đối với các tài sản gắn liền với đất được hình thành sau khi có *Thông báo về việc thu hồi đất*. Trong trường hợp này, người dân trực tiếp sản xuất nông nghiệp lại không hề hay biết về việc thu hồi đất, người dân vẫn tiếp tục sử dụng đất như hợp đồng giao khoán đã ký kết mà không có yêu cầu trao trả đất hay yêu cầu thanh lý hợp đồng từ Công ty TNHH MTV C2. Và mãi cho đến sau này mới có Thông báo chính thức về việc công bố phương án hỗ trợ bồi thường khi nhà nước thu hồi đất chứ thực tế người dân vẫn chưa nhận được Quyết định thu hồi đất chính thức thể hiện nội dung thu hồi đất để xây dựng đường giao thông khu dân cư phía Bắc là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 67 Luật đất đai 2013

+ *Các khoản hỗ trợ khác*: Phương án bồi thường của UBND thành phố đưa ra chỉ bồi thường một phần tài sản gắn liền với đất mà không hỗ trợ thêm các khoản mục khác là thiếu sót nghiêm trọng, vì theo quy định tại Khoản 2 Điều 83 Luật đất đai 2013, khi nhà nước thu hồi đất phải hỗ trợ các khoản sau: Hỗ trợ ổn định đời sống và hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; Hỗ trợ khác sẽ căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng đối với người có đất thu hồi (Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP); Tái định cư: Theo quy định pháp luật, trước khi thu hồi đất của người dân phải đảm bảo bố trí chỗ ở tái định cư cho người bị thu hồi đất. Tuy nhiên trong phương án bồi thường được phê duyệt, gia đình ông C không được bố trí tái định cư.

Từ những căn cứ nêu trên cho thấy, quá trình thu hồi đất, kiểm đếm đo đạc và bồi thường đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án *Xây dựng công trình hạ tầng giao thông* khu dân cư P, phường T, thành phố B có quá nhiều sai phạm, gây thiệt hại nặng nề cho người dân. Vì vậy, ông Huỳnh Tấn C yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy một phần Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi toàn bộ đất của Công ty C2 và Hủy một phần Quyết định phê duyệt phương án bồi thường khi nhà nước thu hồi đất số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban thành phố B để thực hiện dự án là: “*Xây dựng công trình hạ tầng giao thông* khu dân cư phía Bắc, phường

T, thành phố B”. Buộc UBND tỉnh Đ và UBND thành phố B ban hành lại Quyết định đúng quy định pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, **ông** Võ Văn C1 ***trình bày:***

Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi toàn bộ đất của Công ty C2 của UBND tỉnh Đ được ban hành đúng về thủ tục, trình tự theo quy định của pháp luật nên yêu cầu của người khởi kiện là không có căn cứ, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B, **ông** Lê Đại T ***trình bày:***

- Đối với nội dung ông Huỳnh Tấn C khởi kiện về đối tượng lên phương án bồi thường, hỗ trợ, ông C cho rằng chỉ thuê các hộ ở để phụ giúp việc trồng trọt và chăm sóc cây trồng là không đúng, bởi vì:

+ Hộ bà Đặng Thị H, ông Đặng Văn L, ông Huỳnh Ngọc H1, ông Trương Quốc Đ1 và bà Phạm Thị Kiều A đã cung cấp giấy tờ chuyển nhượng viết tay thể hiện ông Huỳnh Tấn C chuyển nhượng cho các hộ có chữ ký xác nhận của ông Huỳnh Tấn C. Trong quá trình Trung tâm phát triển quỹ đất Đ2 thực hiện công tác kiểm đếm tài sản, các hộ đã cung cấp tờ khai và ký xác nhận vào Biên bản kiểm đếm tài sản gắn liền với đất. Quá trình công khai lấy ý kiến đối với dự thảo Phương án ông C không có ý kiến gì về nội dung này. Ngoài ra, hộ bà Đặng Thị H, ông Đặng Văn L, ông Huỳnh Ngọc H1, ông Trương Quốc Đ1 đã từng có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Hiện nay hộ bà Phạm Thị Kiều A đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Hộ bà Đặng Thị H và hộ ông Huỳnh Ngọc H1 đã tự tháo dỡ tài sản và ký vào Biên bản cưỡng chế thu hồi đất. Ông Trương Quốc Đ1 đã ký nhận tài sản sau khi cưỡng chế.

+ ***Hộ ông Dương Bá P không cung cấp giấy chuyển nhượng và khẳng định toàn bộ tài sản trên của ông Huỳnh Tấn C, nên Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk đang lập phương án điều chỉnh từ ông Dương Bá P sang cho ông Huỳnh Tấn C.***

- Đối với nội dung ông Huỳnh Tấn C khởi kiện yêu cầu bồi thường về đất: Diện tích đất do ông Huỳnh Tấn C sử dụng là đất Nhà nước giao cho Công ty không phải của ông C được Nhà nước giao sử dụng, căn cứ Khoản 2, Điều 82 Luật đất đai năm 2013 thì diện tích đất này không được bồi thường về đất.

- Đối với nội dung ông Huỳnh Tấn C khởi kiện yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất căn cứ theo quy định tại điểm d, Khoản 1, Điều 76 Luật đất đai năm 2013: Tại quyết định 8601/QĐ-UBND thể hiện đã bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại cho hộ ông Huỳnh Tấn C với số tiền là 19.354.000 đồng.

- Đối với nội dung ông Huỳnh Tấn C khởi kiện liên quan đến việc bồi thường tài sản gắn liền với đất tạo lập sau khi có Quyết định thu hồi đất: Căn cứ Công văn số 11855/UBND - NNMT ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Đ thì tài sản phát sinh sau ngày 04/01/2017 (*ngày UBND tỉnh ban hành Quyết định thu hồi đất của Công ty TNHH MTV C2*) không được bồi thường, hỗ trợ.

- Đối với nội dung ông Huỳnh Tấn C khởi kiện liên quan đến việc hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Căn cứ sổ hộ khẩu do hộ ông Huỳnh Tấn C cung cấp thì hộ gia đình ông có 02 nhân khẩu trong độ tuổi lao động, ông Huỳnh Tấn C công tác tại Công ty TNHH V, thành phố B (*kết quả xác minh tại* Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ), vợ ông là bà Nguyễn Thị T1 công tác tại Công an tỉnh Đ. Căn cứ Khoản 5, Khoản 6, Điều 4 nghị định 01/2017/ NĐ-CP ngày 06/01/2017 và Công văn số 4310/UBND-NNMT ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh Đ về việc thực hiện Khoản 2 Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh, hộ ông Huỳnh Tấn C không thuộc trường hợp được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

- Đối với nội dung ông Huỳnh Tấn C khởi kiện liên quan đến việc hỗ trợ khác: Căn cứ Khoản 9, Điều 1, Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ ông C không thuộc trường hợp được hỗ trợ khác.

- Đối với nội dung ông Huỳnh Tấn C khởi kiện đề nghị giao đất tái định cư: Hộ ông Huỳnh Tấn C không bị thu hồi đất ở nên không đủ điều kiện được giao đất tái định cư theo quy định tại Khoản 1 Điều 79 Luật đất đai.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2023/HC-ST ngày 14/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ: Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116; khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng: Các điều 67, 69, 74, 75, 76, 82, 83 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn C.

Hủy một phần Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban thành phố B về việc phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để “*Xây dựng công trình hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường T, thành phố B*” đối với hộ ông Huỳnh Tấn C.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Huỳnh Tấn C theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đ.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/3/2023, UBND thành phố B kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận các khoản về bồi thường tài sản, vật kiến trúc tạo lập sau khi có quyết định thu hồi đất và khoản hỗ trợ khác theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều 1 Quyết định số

27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ đối với hộ ông Huỳnh Tấn C.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố B; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của UBND thành phố B; nhận thấy:

[1.1]. Về nội dung yêu cầu bồi thường đối với nhà và cây cối, các tài sản gắn liền trên đất được hình thành từ sau khi có Quyết định thu hồi đất theo Công văn số 11855/UBND-NNMT ngày 31/12/2020; xét thấy: Năm 2017, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 thu hồi đất của Công ty TNHH MTV C2 (do công ty G1), giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk quản lý; chủ thể được giao quyền sử dụng đất và bị thu hồi đất là Công ty TNHH MTV C2, còn ông Huỳnh Tấn C chỉ là hộ liên kết sản xuất cà phê với Công ty, nên ông C cho rằng phải có thông báo thu hồi đất đối với ông là không có căn cứ. Do đó, theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Luật đất đai 2013 thì ông không được bồi thường đối với các tài sản gắn liền với đất được hình thành sau khi có Thông báo về việc thu hồi đất là có căn cứ.

[1.2]. Về nội dung yêu cầu hỗ trợ khác theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ “*Đối với người đang sử dụng đất nông nghiệp là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất nhưng không đủ điều kiện bồi thường về đất ... thì được hỗ trợ theo loại đất hiện trạng đang sử dụng, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất ... Sử dụng đất từ ngày 27/9/2011 đến trước ngày 01/7/2014, được hỗ trợ bằng 30% theo giá đất tại bảng giá đất do UBND tỉnh quy định*”; xét thấy:

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017: “*Khoản 3: Căn cứ xác định hộ gia đình trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp ... b. Có ít nhất một thành viên của hộ gia đình không thuộc đối tượng hưởng lương thường xuyên; đối tượng đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp xã hội;*”.

- Theo các tài liệu do U cung cấp thì hộ ông Huỳnh Tấn C có 02 nhân khẩu, hiện nay ông C đang làm việc tại Công ty TNHH V, thành phố B, vợ ông là bà Nguyễn Thị T1 công tác tại Công an tỉnh Đ, là đối tượng được hưởng lương thường xuyên và có đóng Bảo hiểm xã hội, nên không thuộc trường hợp được hỗ trợ theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ.

Từ viện dẫn và phân tích trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của UBND thành phố B; sửa án sơ thẩm.

[2] Về án phí sơ thẩm: Ông Huỳnh Tấn C phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, nên UBND thành phố B không phải chịu án hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố B; sửa bản án án sơ thẩm.

Căn cứ: Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116; khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng: điểm d khoản 1 Điều 76; khoản 1 Điều 82; khoản 2 Điều 92 Luật đất đai năm 2013; Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 33/2017/ TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T2; Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Tấn C về yêu cầu huỷ Quyết định số 8601/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của Ủy ban thành phố B về việc phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để “*Xây dựng công trình hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường T, thành phố B*” đối với hộ ông Huỳnh Tấn C.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Huỳnh Tấn C phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Đã nộp đủ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022461 ngày 13/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (do bà H’ Ngìn Êban nộp thay).

3. Về án phí phúc thẩm: UBND thành phố B không phải chịu án hành chính phúc thẩm. Hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho UBND thành phố B tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001566 ngày 07/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Đắk Lắk;
- Cục THADS Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào

